

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
KHOA KINH TẾ VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ

----- ☆ -----



TIỂU LUẬN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ
XU HƯỚNG QUỐC TẾ HÓA R&D CỦA CÁC TNC
TRÊN THẾ GIỚI

Giảng viên hướng dẫn : Vũ Thị Kim Oanh

Sinh viên thực hiện

1. Lại Việt Hà :1211110172

2. Nguyễn Thị Hải Yến :1211110764

3. Bùi Thị Đức Minh :1211330052

4. Lê Thúy Anh :1001060007

5. Lê Hồng Nhung :1001060231

6. Nguyễn Diệu Linh :1211110374

Hà Nội, Tháng 3/2014

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	2
NỘI DUNG	3
A. GIỚI THIỆU VỀ TNC VÀ HOẠT ĐỘNG R&D	3
I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY XUYÊN QUỐC GIA (TNC).....	3
1. Định nghĩa và khái niệm:.....	3
2. Chiến lược hoạt động của TNC.....	3
3. Vai trò chính của các TNC trong nền kinh tế toàn cầu.....	4
II. GIỚI THIỆU VỀ R&D.....	7
1. Khái niệm R&D:	7
2. Chức năng của R&D:	7
B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG R&D TRÊN THẾ GIỚI.....	10
C. XU HƯỚNG QUỐC TẾ HÓA HOẠT ĐỘNG R&D CỦA CÁC TNC	12
I. TỔNG QUAN XU HƯỚNG.....	12
II. NHỮNG ĐỊA ĐIỂM THU HÚT CỦA XU HƯỚNG QUỐC TẾ HÓA R&D	13
II. NGUYÊN NHÂN XU HƯỚNG	15
KẾT LUẬN.....	18
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	19

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay, dưới sự tác động mạnh mẽ của các xu hướng vận động của nền kinh tế thế giới, đặc biệt là sự tác động ngày càng tăng của xu hướng khu vực hoá và toàn cầu hoá, hoạt động kinh doanh quốc tế và các hình thức kinh doanh quốc tế ngày càng đa dạng, đã kéo theo sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, cách mạng khoa học - công nghệ (KH-CN). Từ đó xuất hiện hoạt động của các công ty xuyên quốc gia (Transnational Corporations - TNCs). Các công ty này đang và sẽ là lực lượng chủ đạo thúc đẩy quá trình toàn cầu hoá, tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội trên phạm vi quốc tế. Đây là lực lượng chủ chốt trong truyền tải khoa học, kỹ thuật và công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế thế giới. Điểm khác biệt giữa một công ty đầu tư bình thường và một TNC chính là bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D). R&D của các TNC là một dự án chứ không đơn thuần là bộ phận hay một phòng ban thường thấy ở các công ty khác. R&D là nơi nghiên cứu, thử nghiệm, chế tạo thử sản phẩm trước khi đưa vào thị trường toàn cầu; nó có thể được xem như bộ não của các TNC.

Vì vậy, bên cạnh việc tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nhiều nước trong đó có Việt Nam luôn muốn lôi kéo ngày càng nhiều các TNC nước ngoài cùng hoạt động R&D của họ đến nước mình. Thực trạng hoạt động R&D của các TNC trên thế giới diễn ra như thế nào? Quốc tế hóa hoạt động R&D có phải là xu hướng và tương lai của nó ra sao? Những nguyên nhân hay cơ hội nào đã thúc đẩy các TNC đầu tư R&D ra nước ngoài? Nắm bắt xu hướng này Việt Nam có những lợi thế gì? Nhận thấy đây là vấn đề có mang tính thực tiễn cao và có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia, nhóm đã quyết định chọn đề tài “XU HƯỚNG QUỐC TẾ HÓA R&D CỦA CÁC TNC TRÊN THẾ GIỚI”. Đề tài gồm ba chương:

Chương 1: Giới thiệu về TNC và R&D

Chương 2: Tình hình hoạt động R&D của các TNC trên thế giới

Chương 3: Xu hướng quốc tế hoá R&D của các TNC và phân tích nguyên nhân.

Nhóm xin chân thành cảm ơn tới giảng viên Vũ Thị Kim Oanh đã hướng dẫn, đóng góp ý kiến, giải đáp những thắc mắc cho nhóm trong quá trình viết đề tài.

Do thời gian có hạn và thông tin cùng các nghiên cứu về vấn đề này chưa phong phú, hơn nữa những kiến thức và sự hiểu biết của nhóm về R&D còn hạn chế nên đề tài này không tránh khỏi những khiếm khuyết. Nhóm rất mong nhận được sự góp ý và sửa chữa của cô và các bạn để đề tài này hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

NỘI DUNG

A. GIỚI THIỆU VỀ TNC VÀ HOẠT ĐỘNG R&D

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY XUYÊN QUỐC GIA (TNC)

1. Định nghĩa và khái niệm:

Trong các tài liệu về công ty xuyên quốc gia, có nhiều thuật ngữ được sử dụng như: công ty quốc tế (International Enterprise/Firm), công ty đa quốc gia (Multinational Corporations/Enterprises – MNCs/MNEs), công ty xuyên quốc gia (Transnational Corporations - TNCs), gần đây lại xuất hiện thuật ngữ công ty toàn cầu (Global Firm). Năm 2003, Hội nghị của Liên Hiệp Quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) đã đưa ra định nghĩa về công ty xuyên quốc gia như sau: *“TNC là các công ty liên doanh hoặc độc lập bao gồm các công ty mẹ và các chi nhánh nước ngoài của chúng. Công ty mẹ là công ty thực hiện quyền kiểm soát toàn bộ tài sản của các thực thể kinh tế khác ở nước ngoài thuộc quyền quản lý của chúng thông qua hình thức sở hữu vốn tư bản cổ phần. Có tỷ lệ góp vốn cổ phần là 10% so với cổ phần gốc hoặc cao hơn, hay mức cổ phần không chế đối với các công ty liên doanh, hoặc tương ứng đối với các công ty độc lập, thường được xem là ngưỡng để giành quyền kiểm soát tài sản của các công ty khác”*.

Vậy TNC và MNC có gì khác nhau? Theo các chuyên gia của Hội nghị về Thương mại và Phát triển thuộc Liên hiệp quốc (UNCTAD), theo quan điểm nhấn mạnh vai trò của chủ sở hữu thì TNC là những công ty có chủ sở hữu vốn thuộc công ty mẹ của một quốc gia, còn MNC có chủ sở hữu vốn thuộc công ty mẹ của nhiều quốc gia. Nhưng xét trên tổng thể (đặc điểm về quốc tế hoá hay toàn cầu hoá các hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức các chi nhánh ở nước ngoài...), TNC và MNC về cơ bản không có sự khác nhau. Để thống nhất cách tiếp cận và dễ dàng trong việc đánh giá vai trò của TNC, thuật ngữ TNC sử dụng trong bài viết này được hiểu là công ty tiến hành FDI. Theo báo cáo đầu tư thế giới của UNCTAD, công ty tiến hành FDI bao gồm một công ty mẹ mang một quốc tịch nhất định với các công ty con thuộc sở hữu một phần hay toàn bộ hoạt động trong các dự án FDI tại nhiều quốc gia, trong đó công ty này có quyền quản lý hoặc kiểm soát đáng kể. Khi hiểu như vậy thì có thể coi khái niệm TNC và MNC là tương đương.

2. Chiến lược hoạt động của TNC

Các công ty tham gia vào sản xuất quốc tế cần các chiến lược và cơ cấu tổ chức phù hợp với hoạt động kinh tế. Sự đa dạng của các chiến lược tăng lên cùng với thời gian vì các TNC phản ứng khác nhau với những thay đổi trong môi trường kinh tế. Tuy nhiên chúng ta có thể phân loại các chiến lược này theo hai tiêu chí lớn sau:

2.1. Theo mức độ hội nhập các chức năng cơ bản của sản xuất quốc tế.

Với tiêu chí này, sự phát triển các chiến lược chức năng của các TNC được thể hiện thông qua bảng sau:

Bảng: Các chiến lược chức năng của TNC

Dạng	Loại liên kết công ty	Mức độ hội nhập	Nội dung	Ví dụ
Thành lập công ty con tự chủ	Quyền sở hữu, chuyển giao công nghệ.	Yếu	Thành lập các công ty con chủ yếu hoạt động tự chủ trong nền kinh tế chủ nhà	Đa thị trường nội địa
Hội nhập đơn giản	Sở hữu, công nghệ, thị trường, tài chính...	Tương đối	Chuyển giao một số hoạt động giá trị gia tăng sang các địa điểm khác	Tìm kiếm nguồn lực bên ngoài
Hội nhập phức hợp	Tất cả các chức năng	Mạnh	Chuyển dịch hoạt động sản xuất và cung cấp tới những địa điểm sinh lời nhất	Mạng khu vực

Trong đó chiến lược hội nhập phức hợp ngày càng được chú trọng và phát triển mạnh mẽ. Với nhiều công ty với khả năng tài chính lớn mạnh, sản xuất quốc tế có thể xảy ra tại bất cứ điểm nào của chuỗi giá trị. Chiến lược này được các TNC áp dụng trong rất nhiều lĩnh vực, có thể kể đến là sản xuất, mua sắm, tài chính, kế toán, đào tạo...trong đó một trong những lĩnh vực được ưa chuộng nhất đó là R&D.

2.2. Theo phạm vi địa lí của chiến lược sản xuất quốc tế.

Bảng: Các chiến lược sản xuất quốc tế phân loại theo phạm vi địa lí

Chiến lược	Nội dung	Cơ sở chiến lược
Đa thị trường nội địa	Công ty con chủ yếu phục vụ thị trường nước chủ nhà trong khi công ty mẹ kiểm soát công ty con tại nhiều thị trường khác nhau.	Các rào cản thương mại
Chiến lược khu vực	Các công ty con đặt tại nhiều nước chủ nhà trong một khu vực duy nhất cùng nhiều công ty khác hoạt động như những nhà cung cấp và các nhà thầu phụ	Thay đổi trong chính sách (Giảm bớt rào cản thương mại, tự do hóa cơ chế FDI, bãi bỏ quy định...)
Chiến lược toàn cầu	Mở rộng toàn cầu các sản phẩm và nhãn hiệu, có thể mở rộng cả về mặt địa lí	Áp lực cạnh tranh

3. Vai trò chính của các TNC trong nền kinh tế toàn cầu

TNC với tiềm lực và khả năng lớn mạnh của mình đã sản xuất và phân phối hàng hóa và dịch vụ qua biên giới quốc gia, thống lĩnh cơ cấu cơ bản của nền kinh tế toàn cầu: sản xuất, tài chính, công nghệ, thương mại... Đây có thể được coi là nhân tố chính của toàn cầu hóa. Số lượng các TNC tăng nhanh một cách chóng mặt trong thập kỉ này. Theo UNCTAD, năm 1994 tổng số các TNC trên thế giới vào khoảng 38.000 thì con số này đầu năm 2014 là hơn 100.000 công ty.

Với sự phát triển mạnh mẽ như vậy, các công ty xuyên quốc gia đã có những tác động to lớn đến sự phát triển của kinh tế thế giới nói chung cũng như các nền kinh tế thế giới của từng quốc gia nói riêng; đồng thời các công ty xuyên quốc gia cũng có tác động tích cực đến hoạt động thương mại đầu tư chuyên giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực.

3.1. Thúc đẩy hoạt động thương mại thế giới

Một trong những vai trò nổi bật của TNC là thúc đẩy thương mại quốc tế. Công ty xuyên quốc gia giúp thúc đẩy thương mại thế giới phát triển bằng cách tăng cường lưu thông hàng hoá và dịch vụ quốc tế, đồng thời góp phần làm tăng kim ngạch xuất khẩu của các nước. Trao đổi giữa các chi nhánh trong nội bộ TNC ở các nước ngày càng tăng nhanh và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị thương mại của nhiều nước. Trong những năm gần đây với chiến lược đa quốc gia và tạo ra các liên kết giữa thương mại và đầu tư, các công ty mẹ thường xuyên giao trực tiếp các công nghệ nguyên liệu và dịch vụ cho các chi nhánh của mình ở nước ngoài. Do vậy tỷ lệ xuất khẩu trong tổng giá trị sản lượng của các chi nhánh TNC ở nước ngoài tăng nhanh. Đó là chưa kể đến hai dòng lưu thông hàng hóa cơ bản khác là hàng hóa nhập khẩu từ công ty mẹ và hàng hóa bán ra từ các chi nhánh nước ngoài. Nhờ hoạt động của TNC, dòng FDI ra gia tăng và đóng góp vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế thế giới. Tuy những năm gần đây dòng FDI này giảm đáng kể do ảnh hưởng sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tuy nhiên con số này được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong những năm tiếp theo.

Table I.3. Selected indicators of FDI and international production, 1990–2012

Item	Value at current prices (Billions of dollars)				
	1990	2005–2007 pre-crisis average	2010	2011	2012
FDI inflows	207	1 491	1 409	1 652	1 351
FDI outflows	241	1 534	1 505	1 678	1 391
FDI inward stock	2 078	14 706	20 380	20 873	22 813
FDI outward stock	2 091	15 895	21 130	21 442	23 593
Income on inward FDI*	75	1 076	1 377	1 500	1 507
Rate of return on inward FDI [®] (per cent)	4	7	6.8	7.2	6.6
Income on outward FDI*	122	1 148	1 387	1 548	1 481
Rate of return on outward FDI [®] (per cent)	6	7	6.6	7.2	6.2
Cross-border M&As	99	703	344	555	308
Sales of foreign affiliates	5 102	19 579	22 574	24 198 ^c	25 980 ^a
Value added (product) of foreign affiliates	1 018	4 124	5 735	6 260 ^c	6 607 ^a
Total assets of foreign affiliates	4 599	43 836	78 631	83 043 ^c	88 574 ^a
Exports of foreign affiliates	1 498	5 003	6 320	7 436 ^c	7 479 ^a
Employment by foreign affiliates (thousands)	21 458	51 795	63 043	67 852 ^c	71 695 ^a
<i>Memorandum:</i>					
GDP	22 208	50 319	63 468	70 221 ^a	71 707 ^a
Gross fixed capital formation	5 109	11 208	13 940	15 770	16 278
Royalties and licence fee receipts	27	161	215	240	235
Exports of goods and services	4 382	15 008	18 956	22 303 ^a	22 432 ^a

Source: UNCTAD.

Figure 1. Global FDI flows, 2004–2012, and projections, 2013–2015
(Billions of dollars)

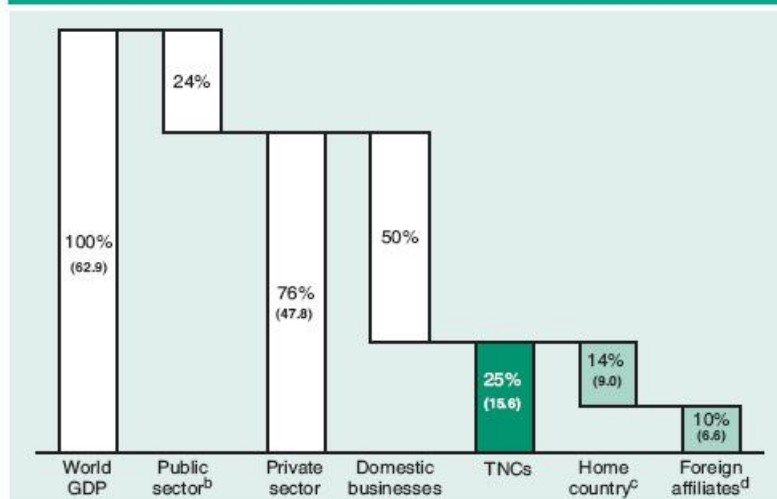


(Nguồn: UNCTAD)

3.2. Thúc đẩy đầu tư và hội nhập quốc tế

Hầu hết các hoạt động đầu tư nước ngoài được thực hiện qua kênh TNCs. Theo báo cáo đầu tư thế giới của UNCTAD, đầu tư của TNCs chiếm đến 90% lượng FDI của thế giới. Năm 2011 đầu tư của TNCs là 1524 tỷ USD. Với lợi thế của mình về nhiều vốn kỹ thuật hiện đại quản lý tiên tiến và mạng lưới thị trường rộng lớn các TNC luôn tích cực đầu tư ra nước ngoài nhằm tối đa hoá lợi nhuận trên phạm vi toàn cầu. Xu hướng gia tăng việc sát nhập và thôn tính các công ty ngoại quốc của tnc trong đó chủ yếu ở mỹ và tây âu là một trong những nguyên nhân quan trọng gây bùng nổ đầu tư nước ngoài. Với sự phát triển mạnh của thị trường tài chính quốc tế, TNC thúc đẩy nhanh tiến trình tự do hoá đầu tư nước ngoài thông qua tham gia sâu rộng vào quá trình quốc tế hoá sản xuất. Các TNC chiếm khoảng 25% tổng giá trị sản xuất của toàn thế giới.

Figure I.22. TNCs account for one-quarter of world GDP, 2010
(Per cent and trillions of dollars^a)



Source: UNCTAD.

3.3. Nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ.

TNC là chủ thể chính và góp phần quan trọng trong việc phát triển và chuyển giao công nghệ trên thế giới. Các công ty này chuyển giao công nghệ trong nội bộ thông qua FDI cho các công ty con nước ngoài hoặc cho công ty khác thông qua nhiều phương thức. Nắm giữ hơn 80% số bằng phát minh sáng chế, với năng lực tài chính và khoa học mạnh, TNCs luôn dùng vốn, công nghệ mới... để giảm thiểu chi phí, chuyển giao những công nghệ cũ, sang các nước đang phát triển. Nhưng với các nước này, những công nghệ này vẫn cần thiết trong quá trình thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Mặt khác các công ty này cũng phối hợp với chính phủ các nước đầu tư vào những ngành có hàm lượng khoa học cao góp phần tạo nên những bước phát triển nhảy vọt cho công nghệ thế giới.

3.4. Vai trò đối với nước nhận đầu tư.

Khi đầu tư vào một nước bất kì, đặc biệt là các nước đang phát triển, các TNC đã góp phần làm tăng nguồn lực tài chính và đầu tư cho nước này. Mặt khác các công ty này cũng giúp nâng cao năng lực công nghệ thông qua chuyển giao công nghệ và các hoạt động sáng tạo công nghệ. Bên cạnh đó, TNC cũng đóng vai trò quan trọng thúc đẩy khả năng cạnh tranh xuất khẩu và thương mại của quốc gia; tạo việc làm và nâng cao chất lượng việc làm. TNC cũng gây tác động lên nhiều lĩnh vực khác của nền kinh tế như môi trường, cơ cấu thị trường và cạnh tranh...

II. GIỚI THIỆU VỀ R&D.

Điểm khác biệt giữa nhà đầu tư bình thường và một TNC chính là bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D). R&D của các TNC là một dự án chứ không đơn thuần là bộ phận hay một phòng ban thường thấy ở các công ty. R&D, nơi nghiên cứu, thử nghiệm, chế tạo thử sản phẩm trước khi đưa vào thị trường toàn cầu, được ví như bộ não của các TNC. Chưa bao giờ vấn đề nghiên cứu - phát triển (R&D) lại được đề cập nhiều trong các công ty như hiện nay khi các công ty này ý thức được rằng R&D gắn bó mật thiết với việc tạo ra những sản phẩm và những công nghệ mới, có tác động trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng và sự phát triển bền vững của mình.

1. Khái niệm R&D:

R&D là từ viết tắt của Research & Development – nghiên cứu và phát triển. R&D bao gồm việc đầu tư, tiến hành và/hoặc mua bán các nghiên cứu, công nghệ mới phục vụ cho quá trình tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Công tác nghiên cứu và phát triển cũng nhằm khám phá những tri thức mới về các sản phẩm, quá trình, và dịch vụ, sau đó áp dụng những tri thức đó để tạo ra sản phẩm, quá trình và dịch vụ mới, có tính cải tiến để đáp ứng nhu cầu của khách hàng hoặc của thị trường tốt hơn. R&D và cải tiến công nghệ luôn là mục tiêu và là chìa khóa thành công của các công ty xuyên quốc gia lớn trên thế giới.

2. Chức năng của R&D:

2.1. Nghiên cứu - phát triển sản phẩm (Product R&D)

Đây là chức năng nghiên cứu và phát triển thuần túy về mặt sản phẩm nhằm cho ra đời những sản phẩm có thiết kế, chất liệu, đặc tính, công dụng mới. Chẳng hạn, sản phẩm nước mắm làm từ cá hồi, bột nêm làm từ rong biển,... Ngoài ra, nghiên cứu và phát triển sản phẩm còn bao gồm cả việc nghiên cứu, cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm hiện có.

2.2. Nghiên cứu - phát triển bao bì (Packaging R&D)

Đối với một số doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh các loại hàng tiêu dùng nhanh, bộ phận R&D có chức năng nghiên cứu, phát triển các loại chất liệu bao bì mới (khác với thiết kế kiểu dáng, màu sắc, trang trí, in ấn bao bì - thường do bộ phận marketing đảm nhiệm). Chẳng hạn một công ty nước giải khát tung ra các sản phẩm trà xanh đóng chai, được chiết rót ở nhiệt độ cao, buộc phải có một loại chai nhựa làm bằng chất liệu chịu nhiệt mà không bị biến dạng, không độc hại. Bộ phận R&D của công ty phải nghiên cứu một loại chất liệu phù hợp với chi phí hợp lý nhất cho sản phẩm này. Đôi khi, việc nghiên cứu, phát triển bao bì còn bao gồm cả các kiểu dáng đặc biệt của bao bì cũng như cách thức đóng gói bao bì tối ưu.

2.3. Nghiên cứu - phát triển công nghệ (Technology R&D)

Một trong những chức năng quan trọng của bộ phận R&D là nghiên cứu, tìm kiếm công nghệ sản xuất, chế biến tối ưu để cho ra đời sản phẩm với chất lượng và giá thành tối ưu. Ví dụ, công nghệ lên men tự nhiên khác với công nghệ thủy phân bằng a-xít trong sản xuất nước tương, công nghệ sản xuất bia tươi, công nghệ pha chế hương liệu trong ngành thức uống... Nghiên cứu - phát triển công nghệ bao gồm cả hoạt động “tinh báo công nghệ”, nghiên cứu bí quyết công nghệ của đối thủ để bắt chước hoặc phát triển công nghệ mới cho mình.

2.4. Nghiên cứu - phát triển quá trình (Process R&D)

Bản chất của chức năng này là nghiên cứu, tìm kiếm các quá trình sản xuất, chế biến, lắp ráp, vận hành, phối hợp... tối ưu, được thể hiện bằng các quy trình cụ thể mang tính ứng dụng cao, đem lại hiệu suất và hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp. Điển hình cho hoạt động này là việc nghiên cứu để cải tiến, phát triển các quy trình sản xuất (đối với sản phẩm), quy trình phục vụ (đối với dịch vụ), ... Hoạt động này có thể được xem là hoạt động nghiên cứu - phát triển “phần mềm” của sản phẩm, khác với “phần cứng” là chất liệu, công thức, bao bì sản phẩm, công nghệ sản xuất, chế biến...

Bên cạnh đó, để chính hoạt động R&D trở nên hiệu quả cũng cần một quy trình thật khoa học, thật hợp lý, thường được gọi là “quy trình nghiên cứu - phát triển”. Quy trình này quy định trình tự các bước thực hiện trong hoạt động nghiên cứu - phát triển và mô tả sự phối hợp giữa bộ phận R&D với các bộ phận khác trong doanh nghiệp.

Như vậy, hoạt động nghiên cứu và phát triển cần được hiểu rộng ra, không giới hạn trong khuôn khổ thuần túy và cứng nhắc của sản phẩm hoặc dịch vụ. Với cách hiểu này, chức năng của một phòng R&D sẽ được mở rộng, tạo điều kiện cho việc mở rộng phạm vi nghiên cứu, phát triển

để nhờ đó các tập đoàn, công ty tận dụng được nguồn lực và tiết kiệm chi phí.

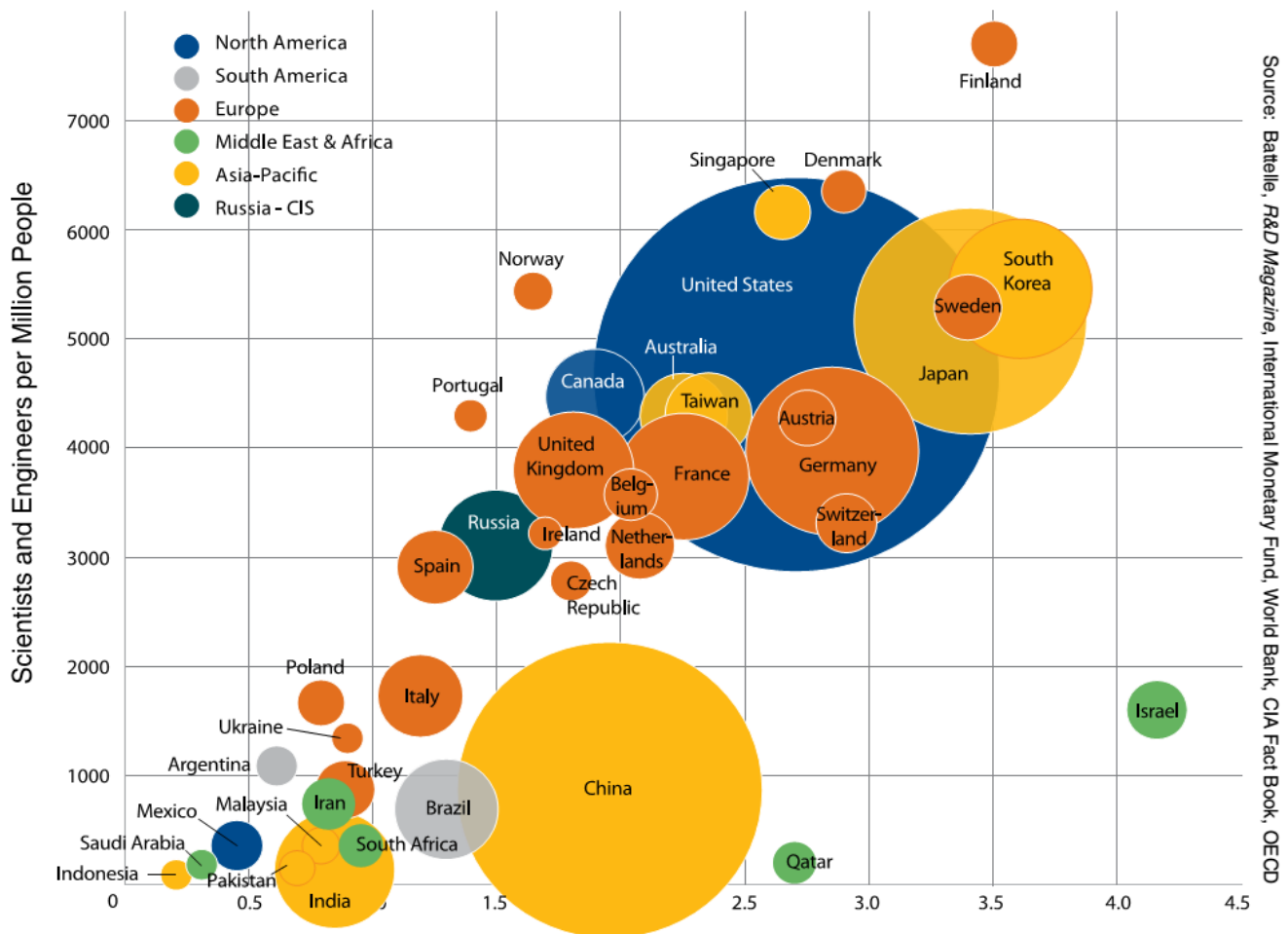
3. Vai trò của R&D đối với sự phát triển của TNC.

R&D có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của doanh nghiệp nói chung và của các TNC trên thế giới nói riêng. Các TNC luôn coi R&D là bộ phận không thể thiếu đối với mình. Trong tất cả các chức năng kinh doanh của TNC, việc đầu tư vào R&D thường đem lại những kết quả ngoạn mục nhất. Hoạt động R&D giúp TNC tạo ra những bước tiến, có thể là đột phá về lợi thế cạnh tranh. Những khả năng đặc biệt tạo ưu thế cạnh tranh cho công ty thường do sự kết hợp mật thiết giữa chiến lược và các kỹ năng R&D. Chỉ có nghiên cứu và phát triển những gì riêng mình có thì mới tồn tại với một bản sắc riêng trong thời đại kinh tế tri thức. Vai trò nổi bật nhất là R&D sẽ làm tăng giá trị cho các sản phẩm, giúp nâng cao chất lượng và hàm lượng tri thức công nghệ trong sản phẩm và các quy trình công nghệ. Từ đó R&D góp phần vào việc gia tăng doanh thu một cách đáng kể và tạo niềm tin vào sản phẩm cũng như thương hiệu đối với người tiêu dùng. Vì vậy đây là một trong những bộ phận được các TNC chú trọng đầu tư nhất, đặc biệt là các công ty lớn. Ví dụ như công ty Apple chắc chắn sẽ không dừng lại ở việc nghiên cứu Iphone 5s, hay Goole sẽ còn phát triển các ứng dụng Internet của mình trên những tầng cao mới. Tất cả những hoạt động đó đều cần tới bộ phận R&D. Nó đặc biệt được chú trọng và có thể nói là bộ phận quan trọng nhất của các tập đoàn công nghệ.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG R&D TRÊN THẾ GIỚI.

Bước vào những năm đầu của thiên niên kỷ mới, hoạt động KH-CN thế giới đã có những bước phát triển vượt bậc. Đổi mới và hợp tác KH&CN là hai xu thế chính thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu và cũng là hai nhân tố tác động trực tiếp tới năng suất, việc làm và nâng cao đời sống. Nhận thức được tầm quan trọng của xu thế mới này, nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang nỗ lực đầu tư và có những quyết sách mạnh mẽ nhằm thúc đẩy các hoạt động KH-CN. Trong đó một trong những chính sách hàng đầu đó là thu hút hoạt động R&D của các TNC vào trong nước. Trong năm 2013, tổng đầu tư của các doanh nghiệp và chính phủ trên toàn thế giới cho lĩnh vực R&D là 1,5 nghìn tỷ USD. Trong đó Mỹ vẫn đứng vị trí hàng đầu về chi cho nghiên cứu và phát triển với 423 tỷ USD.¹

Hình: Chi tiêu R&D của một số quốc gia trên thế giới 2013



(Nguồn: Battelle, R&D Magazine, International Monetary Fund, World Bank, CIA Fact Book)

Bảng xếp hạng của mười quốc gia có chi tiêu R&D hàng đầu không thay đổi trong 5 năm qua, ngoại trừ Trung Quốc vượt qua Nhật Bản cho vị trí số 2 trong năm 2011. Trong năm này, chi tiêu của Trung Quốc về R&D lên đến 139 tỷ USD, chiếm 1,84% tổng sản phẩm trong nước. Các

¹ The 2012 EU Industrial R&D Investment Scoreboard; European Commission, JRC/DG RTD

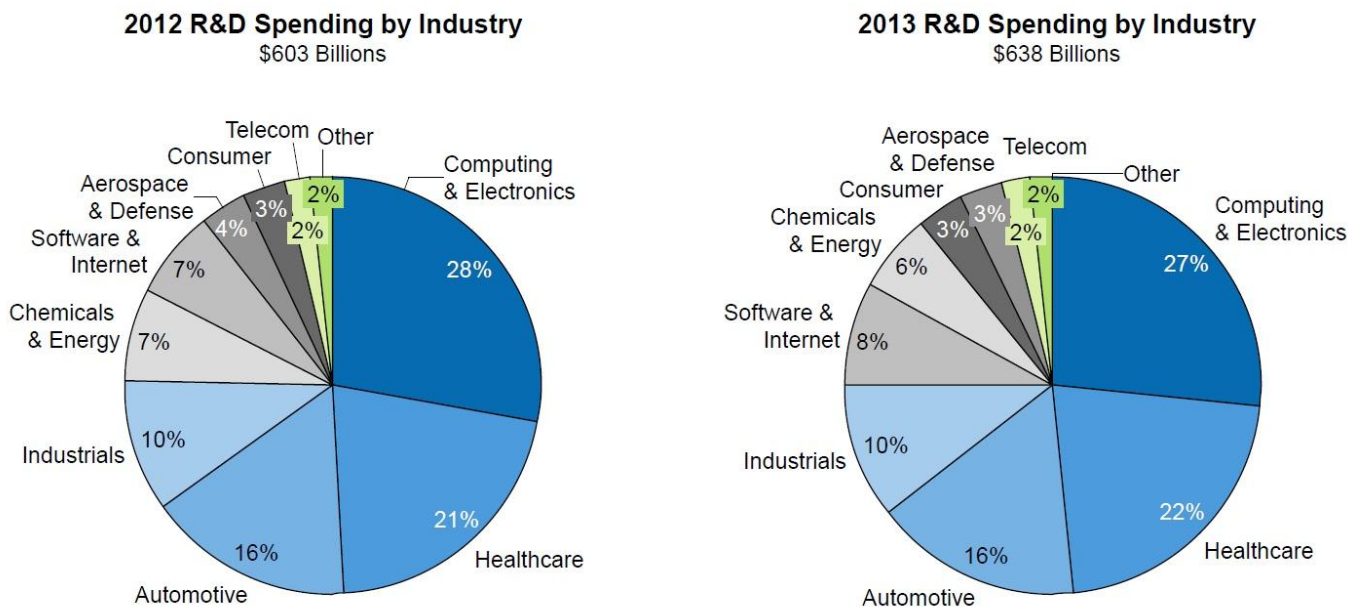
nước có chi tiêu top 10 đạt khoảng 80% tổng vốn đầu tư R&D toàn thế giới (1620 triệu USD).

Bảng 2: Tổng chi R&D so với thế giới của một số quốc gia và khu vực.

Năm	2012	2013
Châu Mỹ	34.5%	34.0%
Mỹ	32.0%	31.4%
Châu Á	37.0%	38.3%
Trung Quốc	15.3%	16.5%
Nhật Bản	10.5%	10.5%
Ấn Độ	2.7%	2.7%
Châu Âu	23.1%	22.4%
Đức	6.1%	5.9%
Phần còn lại của thế giới	5.4%	5.3%

(Nguồn: *Battelle and R&D Magazine*-tạp chí R&D)

Hoạt động R&D được tập trung nhất vào các lĩnh vực đòi hỏi sáng tạo, đổi mới và hàm lượng tri thức công nghệ cao như máy tính điện tử, chăm sóc sức khỏe, ô tô, phần mềm, Internet,... Ngoài ra một số lĩnh vực khác cũng được chú ý và có sự thay đổi tỷ trọng đáng kể như viễn thông, hóa học, năng lượng ... Điều đó được thể hiện qua hình dưới đây.



(Nguồn: *Bloomberg data, Capital IQ, Booz & Company*)

Khả năng tích cực đổi mới công nghệ của một đất nước chính là sức thu hút đầu tư R&D đối với các TNC và là cơ hội để đất nước đó thụ hưởng thành quả của chính các đầu tư R&D này. Các tập đoàn xuyên quốc gia hiện là những đơn vị đóng vai trò chi phối trong nghiên cứu và phát triển toàn cầu. Trong 1,5 nghìn tỉ USD đầu tư cho R&D trên toàn thế giới của năm 2013, các tập đoàn này chỉ khoảng một nửa².

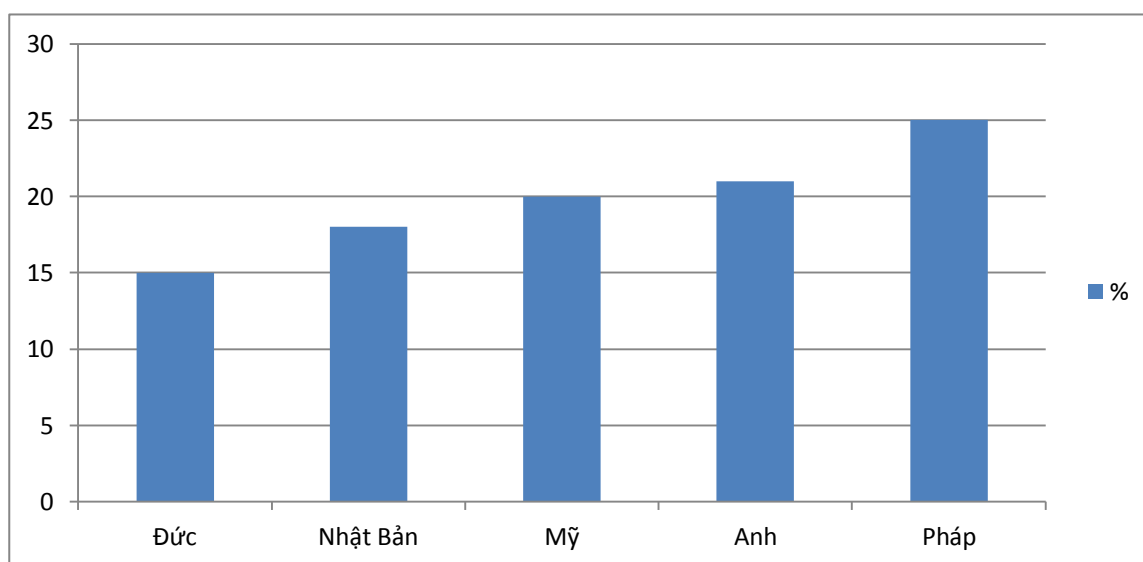
² *The 2012 EU Industrial R&D Investment Scoreboard; European Commission, JRC/DG RTD*

C. XU HƯỚNG QUỐC TẾ HÓA HOẠT ĐỘNG R&D CỦA CÁC TNC

I. TỔNG QUAN XU HƯỚNG

R&D là chức năng chiến lược của các TNC nên các công ty này thường tập trung R&D tại nước mình, chỉ đặt R&D tại một số ít quốc gia nước ngoài. Đây chủ yếu là quốc gia phát triển để có thể tận dụng tính kinh tế của quy mô và các mối liên kết với các trung tâm công nghệ và nghiên cứu. Còn các nước đang phát triển chỉ thu hút một tỉ lệ nhỏ R&D của các TNC và hầu hết những nghiên cứu này cũng chỉ tập trung vào sản xuất hơn là đổi mới. Theo UNCTAD, năm 1999 chỉ có 8% R&D của các TNC tập trung ở các nước đang phát triển. Nguyên nhân là do các nước này không có kỹ năng và thể chế nghiên cứu thuận lợi cho việc thành lập các trung tâm R&D và hoạt động nghiên cứu. Hoặc nguyên nhân khác là do chính sách của các nước này không khuyến khích việc đầu tư của các TNC thông qua chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên điều này đang dần thay đổi, ngày càng có nhiều các TNC thành lập các trung tâm R&D của mình ở nước ngoài, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Bên cạnh đó, các hoạt động công nghệ của các công ty xuyên quốc gia đang ngày càng trở nên quốc tế hóa. Trong nỗ lực tìm kiếm khả năng cạnh tranh công nghệ mới, để thích nghi hơn với thị trường và hạ thấp chi phí R&D, các công ty đang có xu hướng chuyển các hoạt động nghiên cứu ra nước ngoài.

Hình: Tỷ lệ xuất khẩu R&D trong tổng xuất khẩu của một số nước năm 2010



(Nguồn: *World Investment Report*. United Nations, 2010).

Ví dụ tập đoàn Huawei (Trung Quốc) đã thành lập 16 trung tâm R&D trên toàn cầu tiêu biểu như :

- Trung tâm R&D tại Milan, Ý: Nghiên cứu Sóng Vi-ba
- Trung tâm R&D tại Paris, Pháp: Nghiên cứu Tiêu chuẩn truyền thông và GSM-R.
- Trung tâm R&D tại Bonn, Đức: Nghiên cứu Mạng All-IP, mạng lõi và công nghiệp phần mềm.
- Trung tâm R&D tại Bangalore, Ấn Độ: Nghiên cứu Phần mềm.
- Trung tâm R&D tại Stockholm và Gothenburg, Thụy Điển: thiết bị không dây, thiết bị đầu cuối.

- Trung tâm R&D tại Moscow, Nga: Thuật toán truyền thông không dây, công nghiệp phần mềm.
- Trung tâm R&D tại Dallas, Mỹ: Công nghệ ASIC và Thuật toán truyền thông không dây.
- Trung tâm R&D tại Ottawa, Canada: Mạng cáp, mạng không dây, mạng quang học, mạng IP³...

Bảng: 20 công ty có mức chi tiêu R&D toàn cầu hàng đầu thế giới năm 2013

Vị thứ	Công ty	Đầu tư R&D (tỷ USD)	Nước	Lĩnh vực
1	Volkswagen	14,4	Đức	Ô tô
2	Samsung	10,4	Hàn Quốc	Máy tính và điện tử
3	Roche	10,2	Thụy Sĩ	Chăm sóc sức khỏe
4	Intel	10,1	Mỹ	Máy tính và điện tử
5	Microsoft	9,8	Mỹ	Phần mềm và Internet
6	Toyota	9,8	Nhật Bản	Ô tô
7	Novartis	9,3	Thụy Sĩ	Chăm sóc sức khỏe
8	Merck	8,2	Mỹ	Chăm sóc sức khỏe
9	Pfizer	7,9	Mỹ	Chăm sóc sức khỏe
10	Johnson & Johnson	7,7	Mỹ	Chăm sóc sức khỏe
11	General Motors	7,4	Mỹ	Ô tô
12	Google	6,8	Mỹ	Phần mềm và Internet
13	Honda	6,8	Nhật Bản	Ô tô
14	Daimler	6,6	Đức	Ô tô
15	Sanofi	6,3	Pháp	Chăm sóc sức khỏe
16	IBM	6,3	Mỹ	Máy tính và điện tử
17	GlaxoSmithKline	6,3	Anh	Chăm sóc sức khỏe
18	Nokia	6,1	Phần Lan	Máy tính và điện tử
19	Panasonic	6,1	Nhật Bản	Máy tính và điện tử
20	Sony	5,7	Nhật Bản	Máy tính và điện tử

(Nguồn: 2013 Booz & Company Inc)

Các công ty xuyên quốc gia xây dựng các trung R&D ở nước ngoài nhiều hơn, các hoạt động R&D của các công ty này được quốc tế hoá và tiếp cận gần hơn với hoạt động sản xuất ở nước ngoài. Những thay đổi trong chuỗi giá trị toàn cầu, trong chi phí R&D, trong sự linh hoạt khi tiến hành các dự án R&D xuyên biên giới (ví dụ như ICT) và những thay đổi về chính sách (ví dụ như đẩy mạnh quyền sở hữu trí tuệ)... là những điều kiện thuận lợi cho xu thế này.

Chi tiêu R&D được thực hiện trong các công ty con ở nước ngoài cao như Cộng hoà Séc, Bồ Đào Nha và Thụy Điển, chiếm trên 40%. Năm 2013, các công ty con ở nước ngoài tại nhiều nước đã tiến hành R&D mạnh hơn các công ty trong nước. Năng lực R&D (tính theo tỉ lệ trong doanh thu) bởi các công ty con ở nước ngoài cao hơn đáng kể so với các công ty trong nước ở một số TNC. Điều này phản ánh rõ sự hội nhập trong công nghiệp của các công ty con ở nước ngoài.

II. NHỮNG ĐỊA ĐIỂM THU HÚT CỦA XU HƯỚNG QUỐC TẾ HÓA R&D

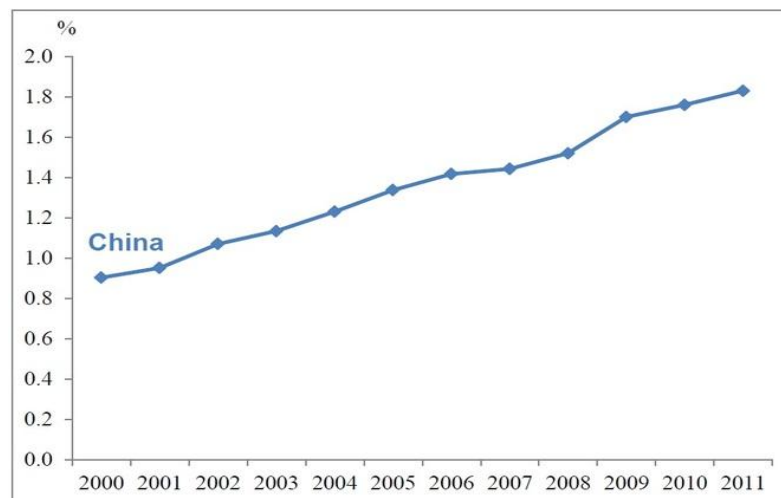
³ Theo website của Huawei

Theo báo cáo của UNCTAD, một trong những điểm đến được ưa thích nhất của các TNC đó Châu Á. Một số quốc gia thành công nhất trong lĩnh vực thu hút đầu tư R&D của các tập đoàn này có thể kể đến là Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Singapore, khu vực Đông và Nam Á. Việt Nam cũng là một trong số các ứng cử viên tiềm năng cho các đầu tư R&D của các TNC. Những thay đổi lớn ở thái độ của Chính phủ và các hướng tiếp cận ở những nước này đã giúp đẩy mạnh sự thu hút hoạt động R&D của các TNC. Các quy định về phát triển kinh tế, đầu tư nước ngoài và sở hữu đã được sửa đổi ở nhiều quốc gia để tạo lợi thế cạnh tranh so với các nước khác. Theo điều tra của tạp chí R&D, Ấn Độ và Trung Quốc có số lượng TNC tham gia vào hoạt động R&D nhiều nhất.

Theo nghiên cứu của công ty tư vấn quản lý Zinnov, gần một nửa số công ty chi cho R&D lớn nhất thế giới đều tập trung tại Ấn Độ. SAP Labs là một trong những công ty đa quốc gia đầu tiên đặt cơ sở tại nước này vào năm 1988. Các công ty xuyên quốc gia khác như Microsoft, IBM, Cisco, Oracle, Adobe và Intel đều có chi nhánh tại Ấn Độ. Công ty viễn thông Huawei (Trung Quốc) đã đầu tư hơn 150 triệu USD để xây dựng trung tâm R&D tại Bangalore. Ngoài ra, còn phải kể tới các đội kỹ sư R&D của Google tại Bangalore và Hyderabad đang chịu trách nhiệm cho những tính năng quan trọng của Google Drive. Trong ngành bán lẻ, nhiều công ty toàn cầu cũng tìm tới Ấn Độ để mở văn phòng R&D như Trung tâm dịch vụ Tesco Hindustan của Tesco.⁴

Đối với Trung Quốc, theo trung tâm thông tin KH-CN, nước này đã tăng gấp đôi chi tiêu R&D trong vòng một thập kỷ; cứ 5 nhà nghiên cứu ở Mỹ thì có 3 là người Trung Quốc và theo dự báo cuối thế kỷ này, số lượng tiến sỹ khoa học kỹ thuật sẽ vượt Mỹ. Hai phần ba các trung tâm R&D ở Trung Quốc là của các tập đoàn xuyên quốc gia, chúng thường được đặt ở hai thành phố quan trọng nhất về kinh tế của nước này là Bắc Kinh và Thượng Hải. Ví dụ, Motorola với 18 trung tâm R&D đang hoạt động và hơn 7 trung tâm đang trong giai đoạn xây dựng. Hay các công ty phần mềm và máy điện thoại di động như Microsoft hay Nokia đã đầu tư hàng trăm triệu đô la vào hoạt động R&D ở Trung Quốc để triển khai giao diện cho người dùng bằng tiếng Trung.

Hình: Đầu tư cho R&D so với GDP của Trung Quốc



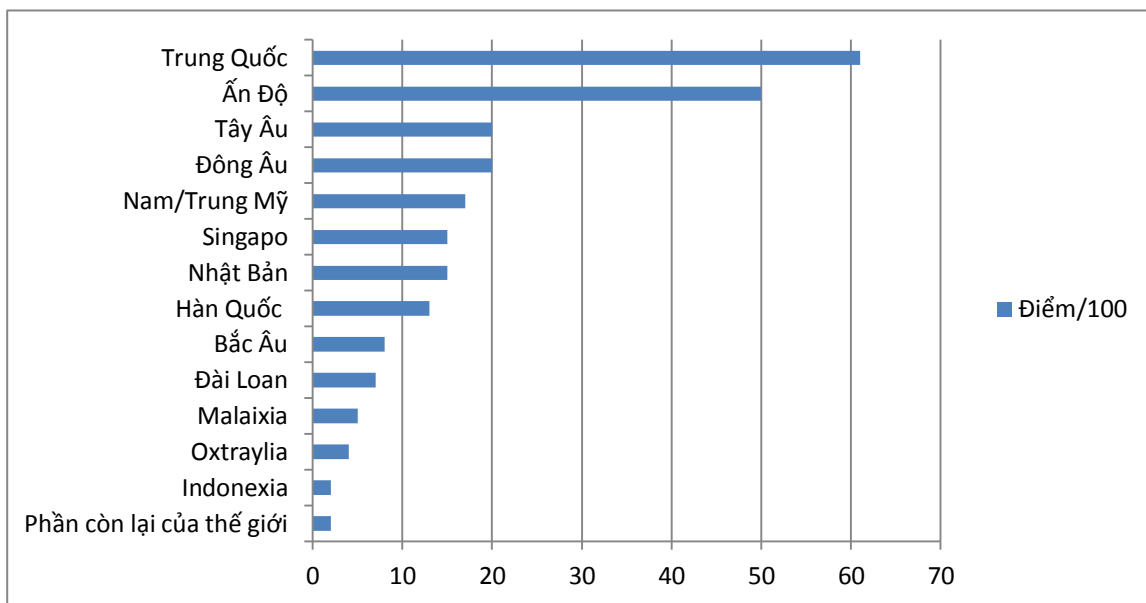
(Nguồn: UNCATD)

⁴ Theo ICTnews/BBC

Hình trên cho thấy hoạt động R&D ngày càng được chú trọng ở nước này và theo các nguồn dự báo, con số này vẫn sẽ tiếp tục tăng trong những năm tiếp theo. Điều đó chứng tỏ Trung Quốc thực sự là một môi trường đầu tư R&D đáng tin cậy và có khả năng hoạt động lâu dài.

Ngoài ra những khu vực khác cũng thu hút được nhiều sự quan tâm gồm Châu Mỹ La tinh, các nước Đông và Nam Á khác và Châu Âu. Đây là những khu vực đầy hứa hẹn và tiềm năng. Trong đó theo *R&D global*, khoảng 20% công ty có đầu tư vào các cơ sở R&D ở Châu Mỹ La tinh (chủ yếu là Mêhicô và Braxin). Bên cạnh đó một số lượng đáng kể các công ty đang tìm cách thực hiện R&D ở các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapo, lãnh thổ Đài Loan và Indônêxia.

Hình: Điểm số mức hấp dẫn đầu tư R&D của các nước năm 2010



(Nguồn: Trung tâm thông tin KH-CN quốc gia)

II. NGUYÊN NHÂN XU HƯỚNG

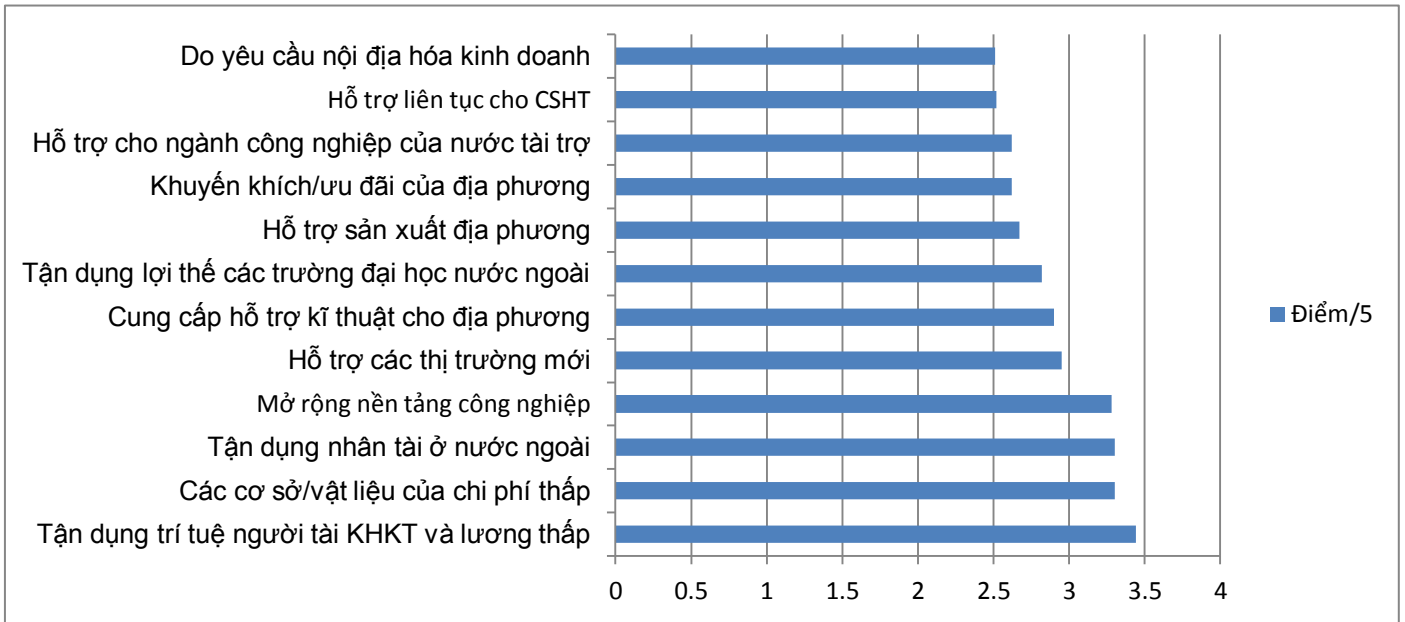
Điều tra của Tạp chí R&D đã nêu ra một số nhận định như sau liên quan tới kỳ vọng về quyết định đầu tư vào hoạt động R&D ra nước ngoài của các TNC:

- Nhằm hỗ trợ R&D ở các cơ sở trong giai đoạn marketing hoặc trước khi đưa vào sản xuất;
- Thiết lập các cơ sở được phát triển riêng cho mục tiêu thực hiện R&D thay cho công ty mẹ;
- Thực hiện hợp đồng với các nguồn hỗ trợ R&D độc lập, bao gồm các trường đại học và các phòng thí nghiệm tư nhân có khả năng phục vụ một phạm vi khách hàng rộng.

Điều tra của Tạp chí này cũng cho biết quyết định mở rộng hoạt động R&D của các TNC dựa trên các yếu tố như sau:

- Tận dụng các cơ hội liên quan tới hỗ trợ kỹ thuật, marketing và sản xuất đã được hoạch định.
- Nhu cầu cần nhận biết và áp dụng các hoạt động và các tập tục sản xuất mang tính địa phương vào các quy tắc, văn hoá, tập tục và khẩu vị mang tính địa phương.
- Việc thiết lập cơ sở R&D là điều kiện được quy định trong quy trình cấp phép địa phương.

Hình: Tại sao các TNC hoạt động R&D ở nước ngoài.



(Nguồn: Tạp chí R&D, Battelle)

Quan sát hình trên, chúng ta có thể thấy rằng những nguyên nhân lớn nhất của các công ty xuyên quốc gia thực hiện hoạt động R&D của mình ở nước ngoài bao gồm: tận dụng nguồn nhân lực khoa học kĩ thuật và lương thấp; chi phí cho cơ sở và vật liệu thấp và để mở rộng nền tảng công nghiệp. Đây cũng là các lợi thế của các nước đang phát triển so với các nước khác trên thế giới, đặc biệt là Ấn Độ và Trung Quốc. Hoạt động của các cơ quan R&D ở Trung Quốc chỉ tồn bằng 1/10 ở Mỹ. Mức lương của những nhân viên R&D Trung Quốc có kỹ năng tốt khá cao so với mức lương nội địa của Trung Quốc, nhưng nó vẫn chỉ bằng 1/4 hoặc 1/5 lương của nhân viên R&D ở các nước phát triển khác ở châu Âu hay Bắc Mỹ. Đối với Ấn Độ, nước này có lợi thế từ nguồn lao động giá rẻ song được đào tạo bài bản, có khoảng hơn 250.000 kỹ sư Ấn Độ đang làm về R&D. Một kỹ sư có thể nhận mức lương chỉ 5.000 USD/năm; trưởng nhóm hay kỹ sư đứng đầu trung bình 30.000 USD/năm. Với lợi thế đó, Motorola đã phát triển điện thoại có giá chưa tới 40 USD, hay GE Healthcare đã thiết kế và sản xuất thiết bị điện tim MAC 400 tại đây chỉ mất 18 tháng và nửa triệu đô la... Riêng đối với Trung Quốc, Viện nghiên cứu công nghiệp Hoa Kỳ đã đưa ra những nhân tố tác động căn bản tới quyết định của nhà đầu tư tới nước này bao gồm:

- (1) Sự sẵn có nguồn nhân lực trình độ cao cho các TNC
- (2) Sự năng động của các viện nghiên cứu, trường đại học trong hợp tác công ty để tiến hành R&D
- (3) Số lượng lớn các khu công nghệ cao
- (4) Các biện pháp ưu đãi của chính phủ
- (5) Triển vọng giảm chi phí trong tất cả các giai đoạn của chuỗi giá trị.

Về những chính sách ưu đãi đầu tư R&D có tác động tới các nhà đầu tư, Hàn Quốc là một ví dụ điển hình. Hàn Quốc có được những thành tựu vượt bậc về phát triển kinh tế và khoa học

công nghệ một phần là nhờ những định hướng đúng đắn từ rất sớm của Chính phủ trong thúc đẩy R&D. Hàn Quốc có một hệ thống chính sách đa dạng hỗ trợ tài chính cho R&D, ví dụ như:

- Giảm thuế nhập khẩu: Giảm 80% thuế nhập khẩu thiết bị phục vụ nghiên cứu: hóa chất, hàng hóa sơ chế đầu vào, nguyên vật liệu, và vật mẫu.
- Miễn thuế VAT, thuế trước bạ đối với nhà cửa và đất đai phục vụ các mục tiêu R&D.
- Miễn thuế thu nhập cá nhân cho kỹ sư nước ngoài: 5 năm với chuyên gia R&D trong lĩnh vực công nghiệp cần sử dụng nhiều công nghệ trong danh sách Nhà nước quy định....⁵

Điều này có tác động không hề nhỏ đến quyết định đầu tư R&D của các TNC tại nước ngoài. Sự thay đổi trong chính sách và những ưu đãi đầu tư góp phần tạo sự thâm nhập của các TNC và khuyến khích phát triển công nghệ thông qua chuyển giao công nghệ của quốc gia đó.

Với sự phát triển như đã phân tích ở trên, xu hướng quốc tế hóa hoạt động R&D của các TNC có thể tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong tương lai gần. Tuy nhiên xu hướng dài hạn của nó là chưa chắc chắn. Ngày nay với các chiến lược hội nhập phức hợp và tiềm lực vững mạnh của mình, các TNC hoàn toàn có thể chuyển dịch sản xuất và cung cấp tại bất cứ địa điểm nào có khả năng sinh lời nhất, trong đó có hoạt động R&D. Tuy nhiên nguyên nhân chính của xu hướng này có thể không còn những yếu tố như trên. Thay vì tận dụng nguồn lao động giá rẻ và lương thấp, các TNC sẽ chú trọng hơn vào lợi thế kỹ năng lao động ở các nước khác để dịch chuyển hoạt động R&D. Cơ sở chi phí sẽ không còn là nhân tố quan trọng tác động tới quyết định đầu tư R&D của các nhà đầu tư như hiện nay. Đó không còn là xu hướng trong một vài lĩnh vực mà đã có ảnh hưởng tới hầu hết các hoạt động đầu tư trên toàn thế giới nói chung, khi trình độ khoa học công nghệ phát triển và nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng đòi hỏi chất lượng và hàm lượng tri thức trong sản phẩm cần được xem xét một cách đúng đắn. Tuy vậy trong những năm tiếp theo hoạt động R&D của các nước nói chung và các TNC nói riêng sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Xu hướng quốc tế hóa hoạt động R&D của các TNC tiếp tục được duy trì và mở rộng. Châu Á và Mỹ la-tinh sẽ trở nên thu hút các TNC hơn bao giờ hết. Trong đó, sau Ấn Độ và Trung Quốc là hai trong số các quốc gia hấp dẫn nhất với việc đầu tư R&D, Việt Nam được kì vọng là một địa điểm tiềm năng và đạt được nhiều thành tựu trong tương lai. Nắm bắt xu hướng chung của thế giới, Việt Nam cần hành động, có những biện pháp tích cực để thu hút hoạt động R&D của TNC. Theo UNCTAD, để tiếp nhận được dòng vốn đầu tư R&D, các nước phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển các công ty nội địa, cải thiện các điều luật và cơ quan liên quan. Sự tham gia chủ động, chặt chẽ của chính phủ, đặc biệt trong lĩnh vực sáng tạo, giáo dục, hệ thống bảo vệ tác quyền và chính sách đầu tư có tầm quan trọng đặc biệt. Dựa vào những lí giải cho xu hướng, Việt Nam cần rút ra được giải pháp cho riêng mình.

⁵ trang điện tử của Bộ Kinh tế Tri thức Hàn Quốc và Quỹ Bảo lãnh tín dụng công nghệ Hàn Quốc)

KẾT LUẬN

Những dữ liệu và nhận định ở trên cung cấp một bức tranh khái quát về hoạt động quốc tế hóa R&D của các công ty xuyên quốc gia trên toàn thế giới. Từ quá trình nghiên cứu này, chúng ta có thể rút ra những kết luận sau đây:

Sự đa dạng của các chiến lược sản xuất quốc tế tăng lên cùng với thời gian vì các TNC phản ứng khác nhau với những thay đổi trong môi trường kinh tế. Tuy nhiên chúng ta có thể phân loại các chiến lược này theo hai tiêu chí là theo phạm vi địa lý và mức độ hội nhập. Tuy nhiên dù phân loại như thế nào, TNC với tiềm lực và khả năng lớn mạnh của mình đã sản xuất và phân phối hàng hóa và dịch vụ qua biên giới quốc gia, thống lĩnh cơ cấu cơ bản của nền kinh tế toàn cầu: sản xuất, tài chính, công nghệ, thương mại... Đây có thể được coi là nhân tố chính của toàn cầu hóa. Các công ty xuyên quốc gia đã có những tác động to lớn đến sự phát triển của kinh tế thế giới nói chung cũng như các nền kinh tế thế giới của từng quốc gia nói riêng.

Các công ty TNC trên thế giới đều tập trung đẩy mạnh đầu tư R&D. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của quỹ nghiên cứu và phát triển toàn cầu chậm lại vào năm 2013 so với tốc độ tăng trưởng nhìn nhận trong năm 2011-2012. Trong quá trình toàn cầu hoá, sự hợp tác KH&CN giữa các vùng miền, quốc gia được thể hiện qua xu hướng tăng hoạt động R&D của các TNC ra nước ngoài. Xu hướng này thể hiện rõ nhất qua việc chuyển dịch các hoạt động R&D từ các nước Bắc Mỹ và Châu Âu sang một số nước ở Châu Á. Trung Quốc và Ấn Độ nổi lên là hai trung tâm tập trung R&D nổi tiếng của thế giới. Bên cạnh đó, một số quốc gia và các khu vực khác cũng đang cố gắng có vai trò tích cực hơn trong xu thế này.

Lí giải vấn đề này, chúng ta có thể thấy rằng những nguyên nhân lớn nhất của các công ty xuyên quốc gia thực hiện hoạt động R&D của mình ở nước ngoài bao gồm: tận dụng nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật và lương thấp; chi phí cho cơ sở và vật liệu thấp và để mở rộng nền tảng công nghiệp. Đây cũng là các lợi thế của các nước đang phát triển so với các nước khác trên thế giới, đặc biệt là Ấn Độ và Trung Quốc.

Nắm bắt xu hướng quốc tế hóa hoạt động R&D, Việt Nam đang có khả năng tiếp nhận một số trung tâm R&D có giá trị hàng chục triệu USD. Điều này đã mở ra cho các công ty tại Việt Nam cơ hội tiếp cận với công nghệ mới và có khả năng làm ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Chúng ta có quyền hi vọng với những giải pháp tích cực và tiềm lực sẵn có, Việt Nam sẽ trở thành địa điểm hấp dẫn đầu tư hơn nữa trong tương lai.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS-TS Vũ Chí Lộc (2012). *Giáo trình Đầu tư quốc tế*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. GS-TS Đỗ Đức Bình (2008). *Giáo trình kinh tế quốc tế*. NXB Đại học kinh tế quốc dân.
3. CIEM (2006). *Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia*. NXB Giao thông vận tải.
4. Tổng cục dân số, kế hoạch hóa gia đình (2011). *Số liệu thống kê xã hội và môi trường 2011*.
5. *Bảng điều tra của viện nghiên cứu quản lí kinh tế TU về cơ chế tài chính đối với các viện R&D*.
6. Bộ Khoa học công nghệ (2011). *Thống kê của Bộ Khoa học và Công nghệ 2011*.
7. UNCTAD (2012). *World investment report*.
8. UNCTAD (2013). *World investment report*.
9. World Bank (2013). *International Monetary Fund*.
10. Transnational Corporations, Vol. 21, No. 1 (2012). *World investment report 2012: Towards a new generation of investment policies*.
11. *Booz & Company analysis*
12. WIPO (2013). *Global Innovation Index 2013 (GII)*
13. United Nations (2013). *World investment prospect survey 2013 – 2015*.
14. United Nations (2009). *UNCTAD Training Manual on Statistics for FDI and the Operations of TNCs*.
15. European Commission (2013). *The 2012 EU Industrial R&D Investment Scoreboard*.
http://iri.jrc.ec.europa.eu/research/docs/2012/SB2012_final_draft.pdf
16. Trang web của *Battelle and R&D Magazine* . <http://www.rdmag.com>
17. Trang web của *global R&D*. <http://www.globalr-d.com/ca/en>